

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I – CNNN 12
NĂM HỌC 2025 – 2026**

PHẦN I . KHÁT QUÁT LÝ THUYẾT

CHỦ ĐỀ 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ LÂM NGHIỆP

I. NỘI DUNG 1: VAI TRÒ VÀ TRIỂN VỌNG CỦA LÂM NGHIỆP

1. Vai trò của lâm nghiệp

1.1. Vai trò của lâm nghiệp đối với đời sống

Vai trò quan trọng của lâm nghiệp đối với đời sống thể hiện như sau:

- Cung cấp gỗ cho một số ngành công nghiệp, xây dựng cơ bản, tiêu dùng xã hội.
- Cung cấp sản phẩm ngoài gỗ cho ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm, thủ công mỹ nghệ,...
- Tạo việc làm, đem lại thu nhập cho người trồng rừng và toàn chuỗi giá trị.
- Đóng góp cho hoạt động nghiên cứu khoa học, giáo dục, bảo vệ an ninh, quốc phòng.

Đem lại những giá trị thẩm mỹ, văn hoá và tinh thần, dịch vụ du lịch và giải trí,...

1.2. Vai trò của lâm nghiệp đối với môi trường

Lâm nghiệp có vai trò phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái:

- Phòng hộ đầu nguồn: giữ đất, giữ nước, điều hoà dòng chảy, chống xói mòn,...
- Phòng hộ ven biển: chắn sóng, chắn gió, chống cát bay, chống xâm nhập mặn,...
- Phòng hộ xung quanh các điểm dân cư, khu công nghiệp và khu đô thị: làm sạch không khí, tăng dưỡng khí, giảm thiểu tiếng ồn,....
- Rừng có vai trò điều hoà khí hậu, là môi trường sống cho nhiều loài động vật, thực vật và vi sinh vật, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học,...

2. Triển vọng của lâm nghiệp

- Phát triển để bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường
- Phát triển để phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu
- Phát triển để phục vụ chức năng xã hội của rừng

3. Yêu cầu cơ bản đối với người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong lâm nghiệp

Người lao động trong ngành lâm nghiệp cần có một số yêu cầu cơ bản sau:

- Có kiến thức, kĩ năng về lâm nghiệp và kinh tế.
- Có khả năng áp dụng công nghệ tiên tiến, vận hành được các máy móc công nghệ cao, thiết bị thông minh trong sản xuất lâm nghiệp.
- Yêu quý sinh vật và có sở thích làm việc trong lĩnh vực lâm nghiệp.
- Có sức khoẻ tốt, chăm chỉ và có trách nhiệm cao trong công việc.
- Tuân thủ pháp luật, nguyên tắc an toàn lao động và có ý thức bảo vệ môi trường.

II. NỘI DUNG 2: ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP

1. Hoạt động cơ bản của lâm nghiệp

Một số hoạt động cơ bản của lâm nghiệp gồm:

(1) Quản lí rừng

Nguyên tắc tổ chức quản lí rừng ở nước ta: nhà nước giao rừng, cho thuê rừng, tổ chức quản lí, bảo vệ rừng, đảm bảo mọi diện tích rừng đều có chủ; chủ rừng phải thực hiện quản lí rừng bền vững; có trách nhiệm quản lí, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng theo quy chế quản lí rừng.

Các chủ quản lí rừng (chủ rừng), gồm: ban quản lí rừng đặc dụng; ban quản lí rừng phòng hộ; tổ chức kinh tế; lực lượng vũ trang; tổ chức khoa học và công nghệ, đào tạo, giáo dục; hộ gia đình, cá nhân trong nước; cộng đồng dân cư; doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.

(2) Bảo vệ rừng

Bảo vệ rừng tập trung vào một số hoạt động chính:

- Ngăn chặn những tác động tiêu cực của con người đến rừng.
- Phòng chống sâu hại, bệnh hại rừng.
- Phòng cháy, chữa cháy rừng.

(3) Phát triển rừng

Phát triển rừng nhằm tăng diện tích rừng, nâng cao giá trị đa dạng sinh học, khả năng cung cấp lâm sản, khả năng phòng hộ và các giá trị khác của rừng. Hoạt động phát triển rừng gồm:

- Trồng mới rừng.
- Trồng lại rừng sau khai thác, bị thiệt hại do thiên tai hoặc do các nguyên nhân khác.
- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh phục hồi rừng.
- Cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt.

Ngoài ra, có thể áp dụng các biện pháp kĩ thuật lâm sinh khác để tăng diện tích, trữ lượng, chất lượng rừng.

(4) Sử dụng rừng

Rừng được sử dụng cho những mục đích sau:

- Bảo tồn hệ sinh thái rừng tự nhiên, nguồn gene sinh vật rừng, di tích lịch sử - văn hoá, tín ngưỡng, danh lam thắng cảnh; phục vụ nghiên cứu khoa học, giáo dục. – Bảo vệ nguồn nước; bảo vệ đất; điều hoà khí hậu; góp phần bảo vệ môi trường, quốc phòng và an ninh.
- Cung cấp lâm sản.
- Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí (trừ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng).
- Cung cấp dịch vụ môi trường rừng.

(5) Chế biến và thương mại lâm sản

Chế biến lâm sản là hoạt động sử dụng sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ để tạo ra các sản phẩm hữu ích, phục vụ nhu cầu thiết yếu cho con người như: đồ gỗ nội thất, đồ gỗ ngoài trời, đồ gỗ mỹ nghệ; vật liệu xây dựng; nguyên liệu thô. Hoạt động chế biến và thương mại lâm sản là một trong những thế mạnh của chuỗi giá trị sản phẩm lâm nghiệp.

2. Đặc trưng cơ bản của sản xuất lâm nghiệp

Những đặc trưng cơ bản của sản xuất lâm nghiệp:

- Ngành sản xuất kinh doanh có chu kì dài:
- Quá trình tái sản xuất tự nhiên xen kẽ với quá trình tái sản xuất kinh tế:
- Sản xuất lâm nghiệp có tính thời vụ:
- Địa bàn sản xuất lâm nghiệp thường có điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội khó khăn

III. NỘI DUNG 3: SỰ SUY THOÁI TÀI NGUYÊN RỪNG

1. Một số nguyên nhân chủ yếu gây suy thoái tài nguyên rừng

Suy thoái rừng là sự suy giảm về hệ sinh thái rừng, làm giảm chức năng của rừng. Một số nguyên nhân chủ yếu làm suy thoái tài nguyên rừng ở nước ta:

- (1) Khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ
- (2) Phủ rừng để lấy đất sản xuất nông nghiệp

(3) Phá rừng để trồng cây công nghiệp và cây đặc sản

(4) Cháy rừng

(5) Chăn thả gia súc

Chăn thả gia súc làm suy thoái tài nguyên rừng do mở rộng diện tích đồng cỏ cho hoạt động chăn thả gia súc trên đất rừng. Bên cạnh đó, chăn thả gia súc tự do vào trong các hệ sinh thái rừng làm ảnh hưởng nặng nề đối với lớp cây tái sinh, đến cấu trúc đất, hoạt động của hệ vi sinh vật đất, đến sinh trưởng của quần thể thực vật rừng.

(6) Phát triển cơ sở hạ tầng và khai khoáng

2. Giải pháp khắc phục suy thoái tài nguyên rừng

Để khắc phục tình trạng suy thoái tài nguyên rừng, cần thực hiện một số giải pháp sau:

(1) Lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng: Nhằm đánh giá được hiện trạng rừng, có biện pháp ngăn chặn kịp thời những tác động tiêu cực vào rừng.

(2) Hoàn thành việc giao đất, giao rừng, cho thuê và thu hồi rừng, đất rừng: Đảm bảo tất cả diện tích rừng và đất rừng đều có chủ và sử dụng đúng mục đích.

(3) Kiểm soát, quản lý, bảo vệ và phát triển mỗi loại rừng theo quy chế quản lý riêng: Cần tuân thủ nghiêm ngặt theo quy chế quản lý của từng loại rừng do mỗi loại có chức năng, mục đích sử dụng khác nhau.

(4) Kiểm soát suy thoái thực vật, động vật rừng: Kiểm soát được tình trạng suy giảm số lượng và chất lượng loài thực vật, động vật rừng và bảo vệ môi trường sống tự nhiên của chúng.

(5) Kiện toàn, củng cố tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước về lâm nghiệp từ Trung ương tới địa phương: Nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng.

(6) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về quản lý và bảo vệ rừng: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục bằng nhiều hình thức, nhiều kênh thông tin.

CHỦ ĐỀ 2. TRỒNG VÀ CHĂM SÓC RỪNG

I. NỘI DUNG 1: SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÂY RỪNG

1. Khái niệm sinh trưởng, phát triển của cây rừng

(1) Sinh trưởng của cây rừng

Sinh trưởng của cây rừng là sự tăng lên về kích thước và khối lượng của cây.

Phát triển của cây rừng là quá trình biến đổi về chất và sự phát sinh các cơ quan trong toàn bộ đời sống của cây (ra hoa, kết quả,...).

2. Quy luật sinh trưởng, phát triển của cây rừng

Quá trình sinh trưởng, phát triển của cây rừng được chia thành bốn giai đoạn chính sau:

(1) Giai đoạn non: Tính từ khi hạt nảy mầm đến trước khi cây ra hoa, kết quả. Ở giai đoạn này, tốc độ sinh trưởng của cây rừng còn chậm do cây rừng có bộ rễ và tán cây chưa hoàn chỉnh.

(2) Giai đoạn gần thành thực: Cây sinh trưởng mạnh về chiều cao và đường kính. Cây rừng bắt đầu ra hoa, kết quả.

(3) Giai đoạn thành thực: Sinh trưởng đường kính và chiều cao của cây rừng tăng dần và đạt đến kích thước cực đại. Cây rừng ra hoa, kết quả đạt số lượng nhiều và chất lượng cao nhất.

(4) Giai đoạn già cỗi: Sinh trưởng của cây rừng sau khi đạt kích thước cực đại thì chậm dần rồi ngừng lại và hầu như không tiếp tục tăng cho đến khi cây già cỗi và chết. Khả năng ra hoa, kết quả giảm, cây già cỗi, thường bị rỗng ruột, dễ bị đổ.

II. NỘI DUNG 2: HOẠT ĐỘNG TRỒNG VÀ CHĂM SÓC RỪNG

1. Trồng rừng

1.1. Vai trò của trồng rừng

- Phủ xanh những vùng đất trống, đồi núi trọc; khôi phục lại những diện tích rừng bị tàn phá do cháy, thiên tai,...
- Cung cấp lâm sản, đặc sản phục vụ nhu cầu tiêu dùng xã hội.
- Phòng hộ, bảo vệ môi trường sống; góp phần bảo tồn đa dạng sinh học.
- Góp phần tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho những người dân tham gia trồng rừng.

1.2. Nhiệm vụ của trồng rừng

- Trồng rừng phải đảm bảo toàn bộ diện tích đất được sử dụng cho mục đích lâm nghiệp luôn được phủ xanh.
- Trồng rừng sản xuất để cung cấp lâm sản phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.
- Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn để bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn,...; trồng rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay; rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển.
- Trồng rừng đặc dụng ở vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài, sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan, khu rừng nghiên cứu và thực nghiệm khoa học để phủ xanh lại những diện tích rừng đặc dụng đã mất, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học, tăng giá trị văn hoá, cảnh quan.

1.3. Thời vụ trồng rừng

Dựa trên đặc điểm khí hậu ở nước ta, thời vụ trồng rừng thích hợp cho từng miền được thể hiện trong Bảng 2.

Bảng 2. Thời vụ trồng rừng

Vùng	Thời vụ trồng	Lí do
Miền Bắc	Mùa xuân hoặc xuân hè Thời tiết mát mẻ, độ ẩm, nhiệt độ thuận (từ tháng 2 đến tháng 7)	Thời tiết mát mẻ, độ ẩm, nhiệt độ thuận lợi cho cây con sinh trưởng.
Miền Trung	Mùa mưa (từ tháng 9 đến tháng 12)	Độ ẩm, nhiệt độ thuận lợi cho cây con sinh trưởng.
Miền Nam	Mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 11)	

1.4. Trồng rừng bằng cây con

* Chuẩn bị cây giống: cây con cần đảm bảo đủ tiêu chuẩn về số lá, đường kính cổ rễ, chiều cao cây, tuổi cây, cây cứng cáp, không bị cụt ngọn và không bị sâu bệnh.

* Quy trình kỹ thuật trồng rừng bằng cây con

- Trồng rừng bằng cây con có bầu: Tạo hố trồng cây, rạch và xé bỏ vỏ bầu, đặt cây vào hố, lấp đất lần 1, lấp đất lần 2, vun gốc,
- Trồng rừng bằng cây con rễ trần: Tạo hố trồng cây, đặt cây vào hố, lấp đất lần 1, lấp đất lần 2, vun gốc,

1.5. Trồng rừng bằng Gieo hạt thẳng

* Phương pháp trồng: đem hạt gieo trực tiếp trên đất trồng rừng đã được chuẩn bị trước.

* Kỹ thuật gieo hạt:

- Phương thức gieo toàn diện: Gieo rải đều hạt giống trên toàn bộ diện tích đất trồng rừng.

- Phương thức gieo cục bộ: Gieo hạt trên một phần diện tích đất trồng rừng (gieo theo hàng, khóm).

2.2. Nhiệm vụ của chăm sóc rừng

2. Chăm sóc rừng

2.1. Vai trò của chăm sóc rừng

Chăm sóc rừng tạo điều kiện thuận lợi cho rừng non sinh trưởng và phát triển tốt; cây con có tỉ lệ sống cao, nâng cao giá trị kinh tế của rừng trồng.

Chăm sóc rừng cần áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh như:

- Làm cỏ, xới đất, bón phân,... để làm tăng tỉ lệ sống sau khi trồng, tạo điều kiện thuận lợi cho rừng sinh trưởng nhanh và phát triển tốt.

- Tia cành giúp làm tăng hiệu quả quá trình trao đổi chất của cây, làm tăng chiều cao dưới cành, nâng cao chất lượng gỗ.

- Trồng dặm, tỉa thưa để đảm bảo mật độ trồng rừng theo hướng dẫn kỹ thuật của từng loại rừng, giúp cây rừng sinh trưởng và phát triển tốt, nâng cao chất lượng và đảm bảo các chức năng của rừng.

2.3. Chăm sóc rừng

Kỹ thuật chăm sóc rừng được tổng hợp trong Bảng 3.

Bảng 3. Kỹ thuật chăm sóc rừng

Biện pháp chăm sóc	Mục đích	Cách thức
Làm cỏ	Giúp cho cây trồng chính có đủ không gian sống, sinh trưởng và phát triển tốt.	Làm cỏ, xới đất, vun gốc diễn ra lần làm cỏ, xới đất của từng năm tùy khoảng 3 năm liền sau khi trồng. Số lần làm cỏ, xới đất từng năm phụ thuộc vào tình hình cụ thể.
Xới đất, vun gốc	Giúp cho bộ rễ của cây phát triển khỏe mạnh, hấp thu dinh dưỡng trong đất tốt hơn, tránh bị rửa trôi phân bón.	
Bón thúc	Bổ sung kịp thời dinh dưỡng cho cây trong giai đoạn còn non để cây sinh trưởng tốt nhất.	Số lần bón thúc, loại và khối lượng phân bón tùy thuộc đặc điểm sinh trưởng phát triển của rừng.
Tưới nước	Nâng cao tỉ lệ sống cho cây rừng, khả năng sinh trưởng và phát triển của cây rừng.	Lượng nước tưới, số lần và thời điểm tưới nước cho cây tùy thuộc vào sự phân bố nông, sâu của hệ rễ cây, khả năng sinh trưởng của mỗi loài cây trong từng năm, từng giai đoạn tuổi và điều kiện lập địa.
Tỉa thưa, tỉa cành	Làm tăng chiều cao dưới cành, giảm khuyết tật sản phẩm gỗ, nâng cao chất lượng gỗ, đảm bảo mật độ trồng rừng theo quy định, giúp cây sinh trưởng và phát triển tốt.	Tỉa cành tươi: Cắt hết các thân phụ và cành quá lớn, nằm ở phía dưới tán cây, cắt sát với thân cây để cây liền sẹo nhanh hơn. Tỉa cành khô: Cắt cành đã chết nhưng chưa rơi rụng.

		Tỉa thưa: Mỗi hố chỉ để lại một cây khoẻ mạnh, thân thẳng nhất.
Trồng dặm	Bổ sung cây trồng để đạt mật độ theo quy định, tránh để đất trống ở những vị trí cây bị chết gây lãng phí đất.	Đối với cây sinh trưởng nhanh: Trồng dặm trong năm đầu sau khi trồng nếu tỉ lệ cây sống dưới 85 % so với mật độ trồng ban đầu. Đối với loài cây sinh trưởng chậm và rừng ven biển: Trong 3 năm đầu sau khi trồng, nếu tỉ lệ cây sống dưới mật độ thành rừng theo tiêu chuẩn Việt Nam thì phải trồng dặm.

CHỦ ĐỀ 3: BẢO VỆ VÀ KHAI THÁC TÀI NGUYÊN RỪNG BỀN VỮNG

I. NỘI DUNG 1: Ý NGHĨA, NHIỆM VỤ CỦA VIỆC BẢO VỆ, KHAI THÁC TÀI NGUYÊN RỪNG BỀN VỮNG

1. Ý nghĩa của bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng bền vững

Bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng bền vững giúp:

- Duy trì và nâng cao chức năng phòng hộ và bảo vệ môi trường.
- Bảo tồn đa dạng sinh học.
- Duy trì và nâng cao chức năng sản xuất của rừng.
- Góp phần tạo việc làm và cải thiện sinh kế vùng nông thôn.

2. Nhiệm vụ của bảo vệ rừng

2.1. Nhiệm vụ của chủ rừng

Bảo vệ rừng theo quy định của pháp luật về theo dõi diễn biến rừng; bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng, bảo vệ hệ sinh thái rừng; phòng cháy, chữa cháy rừng; phòng, trừ sinh vật gây hại rừng. Chấp hành sự quản lí, thanh tra, kiểm tra, xử lí vi phạm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các quy định khác của pháp luật.

2.2. Nhiệm vụ của toàn dân

Bảo vệ rừng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng, bảo vệ hệ sinh thái rừng; phòng cháy, chữa cháy rừng; bảo vệ và kiểm dịch thực vật, thú y và quy định khác của pháp luật có liên quan. Thông báo kịp thời cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chủ rừng về các hành vi vi phạm quy định về quản lí, bảo vệ rừng.

2.3. Nhiệm vụ của các cấp quản lí

Tổ chức, chỉ đạo thực hiện điều tra rừng, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng; bảo tồn đa dạng sinh học rừng; phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng, trừ sinh vật gây hại rừng; công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

Thanh tra, kiểm tra, xử lí vi phạm pháp luật; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực lâm nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Nhiệm vụ của khai thác tài nguyên rừng bền vững

Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học.

Đảm bảo thực hiện các biện pháp tái sinh rừng và trồng lại rừng sau khai thác.

Khai thác không lạm vào vốn rừng: sản lượng gỗ của loài được khai thác không lớn hơn lượng gỗ tăng trưởng của loài đó.

II. NỘI DUNG 2: THỰC TRẠNG TRỒNG, CHĂM SÓC, BẢO VỆ VÀ KHAI THÁC RỪNG

1. Thực trạng trồng, chăm sóc rừng

Công tác trồng và chăm sóc rừng ở nước ta trong những năm gần đây đã có những chuyển biến tích cực, diện tích rừng trồng tăng liên tục từ giữa những năm 1990 đến năm 2022. Tuy nhiên, chất lượng, năng suất rừng trồng còn thấp, chủ yếu là rừng trồng sản xuất gỗ nhỏ.

2. Thực trạng bảo vệ rừng

Trong những năm gần đây, công tác bảo vệ rừng ở nước ta đã có nhiều tiến bộ rõ rệt, điển hình như:

- Bảo vệ và phát triển được vốn rừng quốc gia, duy trì ổn định diện tích rừng tự nhiên, tăng diện tích rừng trồng và cây xanh.
- Nhận thức và trách nhiệm của các ngành, các cấp và người dân với công tác bảo vệ rừng được nâng lên rõ rệt.
- Công tác cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững được quan tâm và nhân rộng. – Đã thực hiện thành công chính sách chi trả dịch vụ môi trường.
- Ngăn chặn có hiệu quả nạn chặt phá rừng, khai thác tài nguyên rừng trái phép và cháy rừng. Tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng giảm cả về số vụ vi phạm và mức độ thiệt hại theo từng năm.

Tuy nhiên, tình trạng vi phạm các quy định về bảo vệ và phát triển rừng vẫn xảy ra nghiêm trọng ở một số địa phương.

3. Thực trạng khai thác rừng

III. NỘI DUNG 3: BẢO VỆ VÀ KHAI THÁC TÀI NGUYÊN RỪNG

1. Một số biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng

Bảo vệ tài nguyên rừng cần tập trung vào một số biện pháp sau:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ rừng nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ rừng cho người dân.
- Ngăn chặn các hành vi gây suy thoái tài nguyên rừng. Tăng cường lực lượng tuần tra, bảo vệ rừng nhằm ngăn chặn việc chặt phá rừng, mua bán và vận chuyển lâm sản trái phép.
- Chủ động thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.
- Duy trì và củng cố hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên.
- Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.
- Tăng cường trồng cây xanh, trồng rừng góp phần bảo vệ và phát triển rừng

2. Biện pháp nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên rừng

Để nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên rừng cho người dân, cần chú trọng.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp luật về bảo vệ rừng cho người dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.
- Lồng ghép tuyên truyền các quy định về bảo vệ rừng trong các buổi họp thôn, bản, các lễ hội truyền thống,...

- Xây dựng các bảng tin, biển tuyên truyền về lợi ích của rừng, ý nghĩa của bảo vệ rừng ở nơi công cộng, hành lang đường đi.

3. Phương thức khai thác rừng

3.1. Khai thác trắng

* Khái niệm: Khai thác trắng là phương thức tiến hành chặt toàn bộ những cây rừng đã thành thực trên một khoảnh chặt trong một mùa chặt, thông thường là dưới một năm.

* Đặc điểm của phương thức khai thác trắng:

- Tái sinh rừng được tiến hành sau khi khai thác xong, thời kì tái sinh rõ ràng. Sau chặt trắng, có thể áp dụng phương thức tái sinh nhân tạo để tạo rừng mới đều tuổi.
- Hoàn cảnh rừng sau chặt trắng bị biến đổi rõ rệt, tán rừng bị mất và đất rừng bị phơi trống hoàn toàn.
- Ở những nơi địa hình có độ dốc lớn, lượng mưa cao dễ xảy ra xói mòn và thoái hoá đất nếu tái sinh không kịp thời.

3.2. Khai thác dần

* Khái niệm: Khai thác dần là phương thức tiến hành chặt toàn bộ những cây rừng đã đến tuổi thành thực trên khoảnh chặt, quá trình chặt được tiến hành làm nhiều lần sao cho trong thời gian chặt hạ, một thế hệ rừng mới được hình thành nhờ sự gieo giống và bảo vệ của rừng già.

* Đặc điểm của phương thức khai thác dần:

- Những cây rừng thành thực được khai thác nhiều lần (3 đến 4 lần) trong giới hạn thời gian là một cấp tuổi.
- Quá trình tái sinh rừng được tiến hành song song với quá trình khai thác (rừng già khai thác xong, rừng non cũng bắt đầu khép tán).
- Mặt đất rừng luôn có cây che phủ và được bảo vệ có hiệu quả hơn so với khai thác trắng

3.3. Khai thác chọn

* Khái niệm: Khai thác chọn là phương thức tiến hành chặt từng cây hoặc đám cây thành thực.

* Đặc điểm của phương thức khai thác chọn:

- Không có thời kì tái sinh rừng rõ ràng. Chặt chọn gắn liền với phương thức tái sinh tự nhiên hoặc phương thức xúc tiến tái sinh tự nhiên.
- Do chi chặt đi những cây thành thực đã đạt tới một kích cỡ nhất định nên rừng duy trì được cấu trúc nhiều tầng.
- Đất rừng không bị phơi trống nên hạn chế được xói mòn đất, tiểu hoàn cảnh rừng ít bị xáo trộn.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM THAM KHẢO

Chủ đề 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ LÂM NGHIỆP

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Mỗi câu hỏi, học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Một trong những vai trò của lâm nghiệp đối với đời sống con người là

- A.** cung cấp dược liệu quý phục vụ nhu cầu chữa bệnh và nâng cao sức khoẻ của con người.
- B.** cung cấp nguồn thực phẩm giàu protein cho con người.
- C.** cung cấp thịt, trứng, sữa cho con người.
- D.** cung cấp lương thực phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu.

Câu 2. Cung cấp lâm sản, cây công nghiệp phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu là một trong những vai trò quan trọng của

- A. chăn nuôi. B. lâm nghiệp. C. trồng trọt. D. thủy sản.

Câu 3. Nội dung nào sau đây **không** đúng khi nói về vai trò của lâm nghiệp đối với đời sống con người?

- A. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng cơ bản.
B. Tạo công ăn việc làm, giúp ổn định đời sống của đồng bào các dân tộc miền núi.
C. Cung cấp nguồn thức ăn phục vụ phát triển chăn nuôi.
D. Là nơi sinh hoạt tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số.

Câu 4. Sản phẩm nào sau đây là sản phẩm của lâm nghiệp?

- A. Cá suối. B. Lúa nương. C. Gà đồi. D. Mật ong rừng.

Câu 5. Nội dung nào sau đây là đúng khi nói về vai trò của lâm nghiệp?

- A. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng cơ bản.
B. Cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến sữa.
C. Cung cấp phân bón cho trồng trọt.
D. Cung cấp nguồn thức ăn phục vụ nuôi trồng thủy sản.

Câu 6. Sản phẩm nào sau đây có nguồn gốc từ lâm nghiệp?

- A. Các loại ngô trồng trên nương. B. Giấy vò học sinh.
C. Thịt trâu gác bếp. D. Phân bón vi sinh vật.

Câu 7. Việc bảo vệ, phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn có vai trò nào sau đây?

- A. Bảo tồn các loài động vật quý hiếm.
B. Chống cát bay, chống sự xâm nhập của nước mặn.
C. Chắn sóng, chắn gió bảo vệ dân cư ven biển.
D. Điều hoà dòng chảy, chống xói mòn rửa trôi.

Câu 8. Việc bảo vệ, phát triển rừng phòng hộ ven biển có vai trò nào sau đây?

- A. Bảo tồn các loài thực vật quý hiếm.
B. Chống cát bay, chống sự xâm nhập của nước mặn.
C. Làm sạch không khí, tạo điều kiện cho phát triển công nghiệp.
D. Điều hoà dòng chảy, chống xói mòn rửa trôi.

Câu 9. Việc bảo vệ, phát triển rừng phòng hộ khu đô thị và khu công nghiệp có vai trò nào sau đây?

- A. Bảo tồn các loài nấm quý hiếm.
B. Giảm thiểu lũ lụt, chống sự xâm nhập của nước mặn.
C. Làm sạch không khí, tạo môi trường sống trong lành cho con người.
D. Chắn sóng, chắn gió, giữ ổn định nguồn nước.

Câu 10. Việc làm nào sau đây có tác dụng điều hoà dòng chảy, chống xói mòn rửa trôi?

- A. Bảo vệ, phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn.
B. Bảo vệ, phát triển rừng phòng hộ khu công nghiệp và khu đô thị.
C. Giảm diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn.
D. Giảm diện tích rừng phòng hộ khu công nghiệp và khu đô thị.

Câu 11. Nội dung nào sau đây là đúng khi nói về đối tượng của sản xuất lâm nghiệp?

- A. Là những cơ thể sống, có chu kì sinh trưởng ngắn.

- B. Là những cơ thể sống, có chu kì sinh trưởng dài.
- C. Là những loài động, thực vật quý hiếm, có chu kì sinh trưởng dài.
- D. Là sinh vật quý hiếm, có chu kì sinh trưởng ngắn.

Câu 12. Nội dung nào sau đây là đúng khi nói về đặc trưng của sản xuất lâm nghiệp?

- A. Địa bàn phức tạp, thuận lợi về giao thông và cơ sở vật chất.
- B. Địa bàn đồng nhất, khó khăn về giao thông và cơ sở vật chất.
- C. Địa bàn đồng nhất, thuận lợi về giao thông và cơ sở vật chất.
- D. Địa bàn phức tạp, khó khăn về giao thông và cơ sở vật chất.

Câu 13. Nội dung nào sau đây là đúng khi nói về sản phẩm và lợi ích của sản xuất lâm nghiệp?

- A. Sản phẩm ít đa dạng và chỉ có lợi ích kinh tế.
- B. Sản phẩm đa dạng và chỉ có lợi ích kinh tế.
- C. Sản phẩm đa dạng và có nhiều lợi ích đặc thù.
- D. Sản phẩm ít đa dạng và có nhiều lợi ích đặc thù.

Câu 14. Nội dung nào sau đây là đúng khi nói về lợi ích của sản xuất lâm nghiệp?

- A. Ưu tiên lợi ích kinh tế, không cần quan tâm đến các vấn đề về bảo tồn đa dạng sinh học.
- B. Đề cao lợi ích an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, không cần quan tâm đến lợi ích kinh tế.
- C. Bên cạnh lợi ích kinh tế, cần bảo đảm hài hoà lợi ích an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh.
- D. Gồm lợi ích kinh tế, bảo vệ môi trường; không bao gồm lợi ích quốc phòng, an ninh.

Câu 15. Nội dung nào sau đây là đúng khi nói về tính thời vụ của sản xuất lâm nghiệp?

- A. Thường tập trung nhiều vào một số tháng nhất định trong năm.
- B. Không có tính thời vụ, hoạt động sản xuất được tiến hành trải đều trong năm.
- C. Có tính thời vụ cao, thường tập trung vào các tháng giữa năm.
- D. Có tính thời vụ cao, thường tập trung vào các tháng cuối năm.

Câu 16. Nội dung nào sau đây **không** đúng khi nói về đặc trưng cơ bản của sản xuất lâm nghiệp?

- A. Đối tượng là các cơ thể sống, có chu kì sinh trưởng dài.
- B. Địa bàn rộng lớn, khó khăn về giao thông và cơ sở vật chất.
- C. Có tính thời vụ cao, thường tập trung vào các tháng mùa mưa.
- D. Ngành sản xuất đa dạng sản phẩm và có nhiều lợi ích đặc thù.

Câu 17. Hoạt động quản lí rừng **không** bao gồm hoạt động nào sau đây?

- A. Giao rừng, cho thuê rừng.
- B. Phòng chống cháy rừng.
- C. Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.
- D. Thu hồi rừng vì mục đích quốc phòng, an ninh.

Câu 18. Hoạt động giao rừng được hiểu là

- A. nhà nước giao rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và thu tiền sử dụng rừng một lần.
- B. nhà nước giao rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và thu tiền sử dụng rừng hằng năm.
- C. nhà nước giao rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và không thu tiền sử dụng rừng.
- D. nhà nước chỉ giao rừng cho các tổ chức, không giao rừng cho hộ gia đình và cá nhân.

Câu 19. Cho các hoạt động như sau:

- (1) Quản lí rừng. (2) Trồng rừng. (3) Chăm sóc rừng.
- (4) Phát triển rừng. (5) Sử dụng rừng. (6) Chế biến và thương mại lâm sản.

Các hoạt động lâm nghiệp cơ bản là:

A. (1), (3), (4), (5). B. (2), (3), (4), (6). C. (1), (4), (5), (6). D. (2), (3), (5), (6).

Câu 20. Các tổ chức, hộ gia đình thuê rừng sản xuất được phép thực hiện các hoạt động như sau?

- (1) Sản xuất lâm nghiệp.
- (2) Sản xuất lâm — nông — ngư nghiệp kết hợp.
- (3) Kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.
- (4) Xây dựng nhà xưởng phục vụ chế biến gỗ.

Phương án trả lời đúng là:

A. (1), (3), (4). B. (1), (2), (4). C. (1), (2), (3). D. (2), (3), (4).

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Một nhóm học sinh khi thực hiện nhiệm vụ “Nêu yêu cầu cơ bản đối với người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong lâm nghiệp” đã đưa ra các yêu cầu như sau:

- a) Có sức khoẻ tốt, chăm chỉ, chịu khó và có trách nhiệm cao trong công việc.
- b) Có kiến thức cơ bản về quy luật phát sinh, phát triển của cây rừng.
- c) Có khả năng sử dụng, vận hành các thiết bị, máy móc trong trồng rừng, chăm sóc rừng, khai thác và bảo vệ rừng.
- d) Yêu thích các môn học như Ngữ văn, Toán học, tiếng Anh.

Câu 2. Một nhóm học sinh thảo luận về những việc nên làm để hạn chế suy thoái tài nguyên rừng, sau khi thảo luận đã đưa ra các việc nên làm như sau:

- a) Giao rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật để giúp nâng cao sự gắn bó, quyền lợi và trách nhiệm của chủ rừng.
- b) Tăng cường khai thác tài nguyên rừng phục vụ phát triển kinh tế.
- c) Xây dựng các khu bảo tồn, vườn quốc gia để bảo vệ các loài động vật, thực vật rừng quý hiếm.
- d) Tăng cường trồng cây công nghiệp và cây đặc sản ở những rừng có nguy cơ bị tàn phá.

Chủ đề 2. TRỒNG VÀ CHĂM SÓC RỪNG

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Mỗi câu hỏi, học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Trồng rừng có vai trò nào sau đây?

- A. Cung cấp lương thực cho con người. B. Phủ xanh đất trống, đồi núi trọc.
- C. Tạo công ăn việc làm cho người lao động. D. Cung cấp thức ăn để phát triển chăn nuôi.

Câu 2. Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn có vai trò quan trọng nào sau đây?

- A. Giúp điều tiết nguồn nước, hạn chế lũ lụt.
- B. Phủ xanh đất trống, đồi núi trọc.
- C. Bảo vệ môi trường sinh thái trong các khu công nghiệp.
- D. Ngăn chặn sự xâm lấn của nước mặn vào đồng ruộng.

Câu 3. Nội dung nào sau đây đúng khi nói về vai trò của trồng rừng?

- A. Giúp mở rộng diện tích trồng cây ăn quả và cây đặc sản.
- B. Cung cấp nơi ở cho đồng bào dân tộc thiểu số.
- C. Giúp cung cấp gỗ cho nhu cầu của con người, giúp bảo vệ các diện tích rừng tự nhiên.
- D. Cung cấp nơi sinh hoạt tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số.

Câu 4. Những hoạt động nào sau đây đều là hoạt động chăm sóc rừng?

- A. Làm cỏ, chặt bỏ cây dại, tía cành, bón phân, tưới nước.
- B. Làm cỏ, bón phân, phòng trừ sâu hại, phòng chống cháy rừng, tưới nước.
- C. Làm cỏ, chặt bỏ cây dại, bón phân, tưới nước, khai thác rừng trồng.
- D. Làm cỏ, làm hàng rào bảo vệ, tía cành, bón phân, tưới nước.

Câu 5. Nội dung nào sau đây là đúng khi nói về vai trò của chăm sóc rừng?

- A. Hạn chế tác hại do cháy rừng gây ra.
- B. Ngăn chặn gia súc gây hại cây rừng.
- C. Cung cấp gỗ và các lâm sản phục vụ nhu cầu tiêu dùng của con người và xuất khẩu.
- D. Giảm sự cạnh tranh ánh sáng, nước, chất dinh dưỡng của cây dại với cây rừng.

Câu 6. Trong hoạt động chăm sóc rừng, các công việc “tía cành, tía thưa” nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Hạn chế sự cạnh tranh dinh dưỡng của cây dại với cây rừng.
- B. Hạn chế sự sinh trưởng, phát triển của cây dại.
- C. Tạo không gian thuận lợi cho quá trình sinh trưởng của cây rừng.
- D. Giúp cây rừng nâng cao sức đề kháng, tăng sức khả năng chống chịu sâu, bệnh hại.

Câu 7. Công việc nào sau đây giúp giảm sự cạnh tranh ánh sáng, nước, chất dinh dưỡng của cây dại với cây rừng?

- A. Tía cành, tía thưa.
- B. Bón phân, tưới nước.
- C. Làm hàng rào bảo vệ.
- D. Làm cỏ, chặt bỏ cây dại.

Câu 8. Đảm bảo thường xuyên phủ xanh diện tích rừng là nhiệm vụ của hoạt động nào sau đây?

- A. Chăm sóc rừng.
- B. Trồng rừng.
- C. Bảo vệ rừng.
- D. Khai thác rừng.

Câu 9. Sinh trưởng của cây rừng là gì?

- A. Là sự tăng lên về số lượng cây rừng.
- B. Là sự tăng lên về mật độ cây rừng.
- C. Là sự tăng lên về kích thước và khối lượng của cây rừng.
- D. Là sự tăng lên về chiều cao của cây rừng.

Câu 10. Các đại lượng nào sau đây biểu thị cho sự sinh trưởng của cây rừng?

- A. Sự tăng trưởng đường kính, chiều cao và thể tích cây.
- B. Sự tăng trưởng về chiều cao, số lá, và mật độ của cây rừng.
- C. Sự tăng trưởng về số hoa, số quả của cây rừng.
- D. Sự tăng trưởng về năng suất và sản lượng của cây rừng.

Câu 11. Dựa vào tốc độ sinh trưởng, cây rừng được chia thành những nhóm nào sau đây?

- A. Nhóm cây đang sinh trưởng và nhóm cây ngừng sinh trưởng.
- B. Nhóm cây sinh trưởng nhanh và nhóm cây sinh trưởng chậm.
- C. Nhóm cây sinh trưởng nhanh, nhóm cây sinh trưởng chậm và nhóm cây ngừng sinh trưởng.
- D. Nhóm cây sinh trưởng nhanh, nhóm cây sinh trưởng chậm và nhóm cây sinh trưởng trung bình.

Câu 12. Phát triển của cây rừng là gì?

- A. Là quá trình tăng trưởng về kích thước và khối lượng của cây.
- B. Là quá trình tăng trưởng về số lượng của cây trong một chu kỳ sống.
- C. Là quá trình biến đổi về hình thái của rễ, thân, lá và cơ quan sinh sản của cây.

D. Là quá trình biến đổi về chất và sự phát sinh các cơ quan trong toàn bộ đời sống của cây.

Câu 13. Nội dung nào sau đây đúng khi nói về sinh trưởng và phát triển của cây rừng?

A. Sinh trưởng thường diễn ra vào ban ngày, phát triển thường diễn ra vào ban đêm.

B. Phát triển diễn ra chủ yếu ở giai đoạn cây còn non.

C. Sinh trưởng tích lũy vật chất làm điều kiện để cây phát triển.

D. Phát triển là những biểu hiện cụ thể của quá trình sinh trưởng.

Câu 14. Đại lượng nào sau đây biểu thị cho sự phát triển của cây rừng?

A. Sự tăng trưởng đường kính thân cây.

B. Sự tăng trưởng về chiều cao của cây.

C. Sự ra hoa, đậu quả của cây.

D. Sự thay đổi về thể tích của thân cây.

Câu 15. Đại lượng nào sau đây biểu thị cho sự sinh trưởng của cây rừng:?

A. Sự tích lũy các hợp chất ở rễ cây.

B. Sự tăng trưởng về chiều cao của thân cây.

C. Sự ra hoa, đậu quả của cây.

D. Sự thay đổi về độ cứng của thân cây.

Câu 16. Nên khai thác rừng vào giai đoạn nào sau đây?

A. Giai đoạn non.

B. Giai đoạn gần thành thực.

C. Giai đoạn thành thực.

D. Giai đoạn già cỗi.

Câu 17. Một trong những đặc điểm của cây rừng ở giai đoạn non là

A. chống chịu tốt với các điều kiện bất thuận của môi trường.

B. đáp ứng tốt với các biện pháp chăm sóc như bón phân, làm cỏ, vun xới tưới nước.

C. ít chịu tác động của sâu, bệnh hại.

D. chỉ có sự tăng trưởng về chiều cao, không có sự tăng trưởng về kích thước.

Câu 18. Nội dung nào sau đây đúng khi nói về giai đoạn gần thành thực của cây rừng?

A. Sức đề kháng của cây yếu.

B. Chất lượng lâm sản ổn định, năng suất cao.

C. Quá trình sinh trưởng của cây diễn ra mạnh.

D. Cây chuẩn bị bước vào thời kì ra hoa, kết quả.

Câu 19. Giai đoạn gần thành thực của cây rừng là?

A. giai đoạn cây chuẩn bị ra hoa lần thứ nhất.

B. giai đoạn từ 3 đến 5 năm kể từ khi cây ra hoa lần thứ nhất.

C. giai đoạn cây ngừng sinh trưởng.

D. giai đoạn cây chuẩn bị chuyển sang giai đoạn già cỗi.

Câu 20. Đa số các loài cây rừng lấy gỗ, giai đoạn thành thực là?

A. giai đoạn trước khi cây ra hoa lần thứ nhất.

B. giai đoạn từ 3 đến 5 năm kể từ khi cây ra hoa lần thứ nhất.

C. giai đoạn từ 5 đến 10 năm kể từ khi cây ra hoa lần thứ nhất.

D. giai đoạn cuối cùng của chu kì sinh trưởng, phát triển.

Câu 21. Cây rừng ở giai đoạn già cỗi có biểu hiện nào sau đây?

A. Chất lượng hạt tốt nên thường được thu hạt để làm giống.

B. Khả năng ra hoa, đậu quả tăng.

C. Tăng trưởng hàng năm giảm rồi ngừng hẳn.

D. Sức đề kháng của cây tốt nên ít bị sâu, bệnh hại.

Câu 22. Đối với rừng phòng hộ, ở giai đoạn già cỗi nên tiến hành hoạt động nào sau đây?

A. Tăng cường chăm sóc giúp cây phục hồi để thực hiện chức năng phòng hộ.

- B. Khai thác toàn bộ rừng và trồng mới rừng thay thế.
- C. Khai thác các cây già cỗi để tận dụng sản phẩm và tiến hành vệ sinh rừng.
- D. Thu hoạch quả để nhân giống phục vụ trồng rừng mới.

Câu 23. Trồng rừng đúng thời vụ có tác dụng nào sau đây?

- A. Giúp cây rừng có tỉ lệ sống cao, sinh trưởng và phát triển tốt.
- B. Giúp giảm lượng phân bón và tăng mật độ trồng.
- C. Giúp ngăn chặn gia súc phá hại cây rừng.
- D. Giúp hạn chế cỏ dại và tăng hiệu quả sử dụng phân bón của cây rừng.

Câu 24. Thời vụ trồng rừng thích hợp ở miền Bắc nước ta là

- A. mùa xuân hoặc xuân hè (từ tháng 2 đến tháng 7).
- B. mùa mưa (từ tháng 9 đến tháng 12).
- C. mùa hè (từ tháng 5 đến tháng 7).
- D. mùa đông (từ tháng 11 đến tháng 1 năm sau).

Câu 25. Thời vụ trồng rừng thích hợp ở miền Trung nước ta là

- A. mùa xuân (từ tháng 2 đến tháng 4).
- B. mùa mưa (từ tháng 9 đến tháng 12).
- C. mùa hè (từ tháng 5 đến tháng 7).
- D. mùa đông (từ tháng 11 đến tháng 1 năm sau).

Câu 26. Trong kĩ thuật trồng rừng bằng gieo hạt, việc xử lí hạt giống trước khi gieo nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Tăng khả năng nảy mầm của hạt giống.
- B. Tăng sức đề kháng của cây con mọc lên từ hạt.
- C. Lựa chọn hạt giống có chất lượng tốt để đem gieo.
- D. Tăng khả năng phòng chống sâu, bệnh hại của cây con mọc lên từ hạt.

Câu 27. So với phương thức trồng rừng bằng gieo hạt, trồng rừng bằng cây con có ưu điểm nào sau đây?

- A. Trồng rừng bằng cây con tốn ít công lao động hơn so với trồng rừng bằng gieo hạt.
- B. Trồng rừng bằng cây con có tỉ lệ sống cao hơn so với trồng rừng bằng gieo hạt.
- C. Trồng rừng bằng cây con dễ thực hiện hơn so với trồng rừng bằng gieo hạt.
- D. Trồng rừng bằng cây con có giá thành vận chuyển thấp hơn so với trồng rừng bằng gieo hạt.

Câu 28. Trồng rừng bằng cây con có nhược điểm nào sau đây?

- A. Cây con có sức đề kháng kém nên tỉ lệ sống thấp.
- B. Tiêu tốn nhiều hạt giống hơn so với trồng bằng gieo hạt.
- C. Tốn nhiều công chăm sóc sau trồng.
- D. Quá trình sản xuất cây con phức tạp, đòi hỏi chi phí cao.

Câu 29. Công việc làm cỏ, vun xới trong chăm sóc rừng thường diễn ra vào thời kì nào sau đây?

- A. Bắt đầu từ năm thứ hai sau khi trồng đến khi thu hoạch.
- B. Bắt đầu từ năm thứ ba sau khi trồng đến khi thu hoạch.
- C. 03 năm đầu sau khi trồng.
- D. 03 năm trước khi thu hoạch.

Câu 30. Hoạt động nào sau đây có tác dụng nâng cao độ phì nhiêu của đất và khả năng sinh trưởng, phát triển của cây rừng?

A. Làm cỏ, vun xới.

B. Tia canh, tia thưa.

C. Bón phân thúc.

D. Làm cỏ, tưới nước.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Một khu rừng keo trồng lấy gỗ, đa phần các cây đang ở giai đoạn hình thành tán, có nhiều hoa, quả. Sau đây là một số phát biểu.

a) Rừng keo có tác dụng điều hoà không khí.

b) Cây trong khu rừng nói trên đang ở giai đoạn thành thực.

c) Nên thực hiện ngay việc khai thác rừng để thu được sản lượng gỗ cao nhất.

d) Cây rừng ở giai đoạn này cần vun xới, làm cỏ để nâng cao sản lượng hạt giống.

Câu 2. Một nhóm học sinh thảo luận về chủ đề “Trồng và chăm sóc rừng”, sau khi thảo luận đã thống nhất một số nội dung. Sau đây là một số nội dung:

a) Một trong những vai trò của trồng rừng là phủ xanh đất trống, đồi núi trọc.

b) Trồng rừng bằng gieo hạt có tỉ lệ sống cao hơn trồng rừng bằng cây con.

c) Thời vụ trồng rừng thích hợp ở các tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Tuyên Quang là mùa xuân hoặc xuân hè.

d) Đối với những vùng khó khăn khi chăm sóc nên trồng rừng bằng hạt.

Chủ đề 3. BẢO VỆ VÀ KHAI THÁC TÀI NGUYÊN RỪNG BỀN VỮNG

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Mỗi câu hỏi, học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Bảo vệ tài nguyên rừng có ý nghĩa nào sau đây?

A. Nâng cao hiệu quả khai thác tài nguyên rừng.

B. Phủ xanh đất trống, đồi núi trọc.

C. Bảo tồn nguồn gene các loài động vật, thực vật quý hiếm.

D. Nâng cao diện tích rừng, cung cấp lâm sản cho nhu cầu của con người.

Câu 2. Bảo vệ rừng là nhiệm vụ của tổ chức, cá nhân nào sau đây?

A. Toàn dân.

B. Chủ rừng.

C. Các cơ quan quản lý rừng.

D. Chủ rừng và các cơ quan quản lý rừng.

Câu 3. Một trong những nhiệm vụ của người dân trong bảo vệ rừng là

A. Xây dựng và thực hiện phương án, biện pháp bảo vệ hệ sinh thái rừng.

B. Chấp hành sự huy động nhân lực, phương tiện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi xảy ra cháy rừng.

C. Tổ chức, chỉ đạo việc phòng cháy, chữa cháy rừng.

D. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng theo quy định của pháp luật.

Câu 4. Một trong những nhiệm vụ của chủ rừng trong bảo vệ rừng là

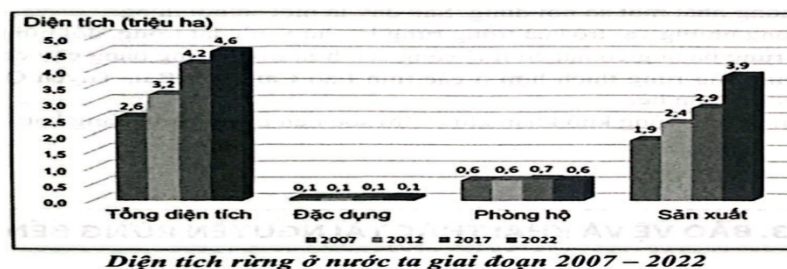
A. phòng trừ sinh vật gây hại rừng theo đúng quy định.

B. thông báo kịp thời cho người dân về cháy rừng

C. tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

D. xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng theo quy định của pháp luật.

Câu 5. Biểu đồ sau đây là thực trạng về diện tích rừng ở nước ta giai đoạn 2007 – 2022,



Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Tổng diện tích rừng ở nước ta tăng từ 2,6 triệu ha năm 2007 lên 4,6 triệu ha năm 2022.
- B. Diện tích rừng đặc dụng gần như không thay đổi từ năm 2007 đến năm 2022.
- C. Diện tích rừng phòng hộ năm 2017 cao hơn so với các năm còn lại.
- D. Tổng diện tích rừng năm 2022 là 4,6 triệu ha, trong đó rừng sản xuất chiếm gần 85%.

Câu 6. Nội dung nào sau đây là đúng khi nói về nhiệm vụ của người dân trong công tác bảo vệ tài nguyên rừng?

- A. Phòng trừ sinh vật gây hại rừng theo đúng quy định.
- B. Thông báo kịp thời cho cơ quan có thẩm quyền hoặc chủ rừng về cháy rừng.
- C. Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.
- D. Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn.

Câu 7. Nội dung nào sau đây là đúng khi nói về nhiệm vụ của chủ rừng trong công tác bảo vệ tài nguyên rừng?

- A. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.
- B. Thông báo kịp thời cho người dân hoặc cơ quan có thẩm quyền về cháy rừng.
- C. Xây dựng và thực hiện phương án, biện pháp bảo vệ hệ sinh thái rừng.
- D. Thông báo kịp thời cho người dân hoặc cơ quan có thẩm quyền về sinh vật gây hại rừng.

Câu 8. Để bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng bền vững, cần nghiêm cấm hành vi nào sau đây?

- A. Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên như vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên.
- B. Áp dụng các kỹ thuật khai thác phù hợp để bảo đảm hài hoà giữa lợi ích kinh tế với lợi ích phòng hộ và bảo vệ môi trường.
- C. Kết hợp bảo vệ và phát triển rừng với khai thác hợp lý để phát huy hiệu quả lan tài nguyên rừng.
- D. Chăn thả gia súc vào rừng đặc dụng, rừng mới trồng.

Câu 9. Để nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên rừng cho người dân, cần thực hiện hoạt động nào sau đây?

- A. Tăng cường hoạt động trồng rừng, trồng cây xanh ở khu vực đô thị và nông thôn.
- B. Tổ chức tuyên truyền về vai trò, giá trị của rừng đối với đời sống và môi trường.
- C. Tăng cường công tác tuần tra, giám sát để phát hiện và ngăn chặn các hành vi chặt phá rừng.
- D. Làm hàng rào bảo vệ rừng và phòng trừ sinh vật gây hại rừng.

Câu 10. Nội dung nào sau đây không phải là một trong các biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng?

- A. Nâng cao ý thức bảo vệ rừng. 13 out eral oil goodie nên suy niệm
- B. Ngăn chặn các hành vi làm suy thoái tài nguyên rừng.
- C. Làm cỏ, vun xới, bón phân thúc cho cây.
- D. Xây dựng và bảo vệ các khu bảo tồn thiên nhiên.

Câu 11. Vì sao trồng cây xanh ở khu vực đô thị và nông thôn lại có tác dụng bảo vệ tài nguyên rừng?

- A. Tạo ra nguồn gỗ cung cấp cho nhu cầu của con người, nhờ đó giảm nhu cầu khai thác gỗ từ rừng.
- B. Tạo nguồn cây giống cung cấp cho trồng rừng.
- C. Tạo lá chắn bảo vệ tài nguyên rừng.
- D. Tạo môi trường sống trong lành cho con người.

Câu 12. Cho các hoạt động như sau:

- (1) Trồng cây xanh trong khuôn viên các trụ sở, trường học.
- (2) Trồng cây xanh trong các nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp.
- (3) Tuyên truyền, giáo dục ý thức, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân đối với việc chấp hành pháp luật về lâm nghiệp.
- (4) Khuyến khích người dân trồng cây ăn quả, cây công nghiệp trên đất rừng.
- (5) Tăng cường chặn thả gia súc trong các khu rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn.
- (6) Trồng cây trên vỉa hè đường phố, công viên.

Các hoạt động có vai trò bảo vệ tài nguyên rừng là:

- A. (1), (2), (3), (4). B. (1), (2), (3), (6). C. (1), (2), (3), (5). D. (1), (2), (4), (6).

Câu 13. Hoạt động nào sau đây có tác dụng ngăn chặn các hành vi làm suy thoái tài nguyên rừng?

- A. Tổ chức tuyên truyền về vai trò, giá trị của rừng trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu.
- B. Trồng cây xanh trên vỉa hè, vườn hoa, quảng trường.
- C. Lắp đặt các biển báo ở khu vực có nguy cơ cao cháy rừng.
- D. Tuần tra, giám sát để ngăn chặn hoạt động săn bắt thú rừng trái phép.

Câu 14. Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về các biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng?

- A. Xây dựng các rừng quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên để phòng, chống cháy rừng.
- B. Trồng cây xanh ở khu vực đô thị và nông thôn để nâng cao ý thức bảo vệ rừng.
- C. Làm hàng rào bảo vệ để ngăn chặn các hành vi làm suy thoái tài nguyên rừng.
- D. Lắp đặt các biển báo ở khu vực có nguy cơ cao cháy rừng để nâng cao đa dạng tài nguyên rừng.

Câu 15. Việc xây dựng và bảo vệ các khu bảo tồn thiên nhiên có vai trò nào sau đây?

- A. Thu hẹp diện tích rừng thuận lợi cho việc quản lí.
- B. Mở rộng diện tích trồng rừng.
- C. Bảo tồn đa dạng sinh học.
- D. Giúp người dân nâng cao ý thức bảo vệ rừng.

Câu 16. Trong các phương thức khai thác tài nguyên rừng, khai thác trắng là

- A. chặt toàn bộ cây rừng ở một khu vực nhất định trong nhiều mùa khai thác.
- B. chặt toàn bộ cây rừng ở một khu vực nhất định trong một mùa khai thác.
- C. chỉ khai thác những cây già yếu có nguy cơ bị chết.
- D. khai thác toàn bộ cây rừng và không trồng lại cây mới.

Câu 17. Nội dung nào sau đây đúng khi nói về khai thác trắng ở nước ta?

- A. Không hạn chế số lần khai thác.
- B. Thường áp dụng đối với rừng phòng hộ và rừng đặc dụng.

C. Không áp dụng ở những nơi có độ dốc cao, lượng mưa nhiều.

D. Ưu tiên khai thác những cây đã thành thực.

Câu 18. Để phục hồi rừng sau khai thác trắng cần phải tiến hành hoạt động nào sau đây?

A. Bón phân cho cây rừng. B. Trồng rừng.

C. Tưới nước cho cây rừng. D. Chăm sóc rừng.

Câu 19. Trong các phương thức khai thác tài nguyên rừng, khai thác dần là

A. Chặt toàn bộ cây rừng ở một khu vực nhất định trong nhiều mùa khai thác.

B. Chặt toàn bộ cây rừng ở một khu vực nhất định trong một mùa khai thác.

C. Chọn chặt những cây đã thành thực.

D. Chọn chặt những cây già cỗi, cây bị sâu bệnh.

Câu 20. Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về phương thức khai thác dần?

A. Thường áp dụng với rừng phòng hộ đầu nguồn.

B. Rừng sẽ tự phục hồi nhờ sự tái sinh tự nhiên của cây rừng.

C. Thường áp dụng ở nơi có độ dốc cao, lượng mưa nhiều.

D. Khai thác đến đâu trồng lại rừng đến đó.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Để góp phần bảo vệ tài nguyên rừng bền vững, một nhóm học sinh đã thảo luận và đề xuất cần nghiêm cấm một số hành vi như sau:

a) Chăn thả gia súc ở khu vực bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng, rừng mới trồng.

b) Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên như vườn quốc gia, khu bảo tồn loài sinh cảnh.

c) Đốt rừng lấy đất trồng cây công nghiệp và cây ăn quả.

d) Săn bắt, nuôi nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán động vật rừng.

Câu 2. Ở các khu vực miền núi của nước ta, một số người dân vào rừng đốt lửa để khai thác mật ong. Sau đây là một số nhận định:

a) Mật ong rừng là một loại tài nguyên rừng vì vậy cần được bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi khai thác mật ong của người dân.

b) Việc người dân đốt lửa để khai thác mật ong cần được khuyến khích nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế từ khai thác tài nguyên rừng.

c) Đốt lửa để khai thác mật ong có thể dẫn đến suy thoái tài nguyên rừng nên cần phải nghiêm cấm.

d) Người dân được phép khai thác mật ong rừng nhưng phải sử dụng biện pháp hợp lý để không ảnh hưởng đến đàn ong và các tài nguyên rừng khác.